

Phụ lục I
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, HỆ CHÍNH QUY NĂM 2020
Xét tuyển theo phương thức xét điểm học bạ lớp 12

TT	CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	KV UT	ĐT UT	Mã tổ hợp môn	Toán	Văn	Địa	Điểm NK	Tổng điểm (thang điểm 30)
1	233324574	Y THỊ THU MAI	02/07/2001	Triêng	Đăk Dục, Ngọc Hồi, Kon Tum	01	01	M07		7.7	7.6	8.33	26.72
2	233308076	Y ĐẾN	27/03/2001	Xê Đăng	ĐăkPxi, Đăk Hà, Kon tum	01	01	M07		7.0	8.3	8.00	26.23
3	233213003	TRẦN TUYẾT NHI	05/10/1994	Kinh	P. Duy Tân, TP. Kon Tum, Kon Tum	01		M06	9.0	7.3		8.50	25.73
4	233321658	Y NGOEN	21/08/2001	Rơ Ngao	Vinh Quang, TP. Kon Tum, Kon Tum	01	01	M06	7.6	7.1		7.50	25.03
5	233240874	Y THUƠNG	06/10/1997	Xơ Đăng	Đăk Pek, Đăk Glei, Kon Tum	01	01	M07		7.5	7.3	7.33	24.85
6	233284508	Y THU	27/08/1999	Dê	Đăk Pek, Đăk Glei, Kon Tum	01	01	M07		7.6	7.9	6.83	24.62
7	233309100	Y PHẮNG	17/03/2001	Triêng	Đăk Dục, Ngọc Hồi, Kon Tum	01	01	M07		6.5	7.5	7.50	24.5
8	233348368	Y ĐÀO	24/01/2002	Ba na	P. Thống Nhất, TP. Kon Tum, Kon Tum	01	01	M07		6.7	7.4	7.33	24.32
9	233323130	Y NGỌC HUYỀN	08/07/2001	Xê Đăng	TT. Đăk Tô, Đăk Tô, Kon Tum	01	01	M06	7.8	7.4		6.67	24.16
10	233262703	Y THUẬT	12/07/1999	Dê	Đăk Pek, Đăk Glei, Kon Tum	01	01	M07		7.3	7.9	6.67	24.16
11	233305805	Y GRAM	10/10/2000	Ba na	Vinh Quang, TP. Kon Tum, Kon Tum	01	01	M07		6.5	7.6	7.17	24.08
12	233303564	Y QUÝT	29/11/2000	Dê Triêng	Đăk Môn, Đăk Glei, Kon Tum	01	01	M06	7.7	6.6		7.00	23.98
13	233322735	Y HOÀI	19/10/2002	Xơ Đăng	Ngọc Tụ, Đăk Tô, Kon Tum	01	01	M07		7.0	7.8	6.67	23.86
14	233148685	Y NÀNG	04/08/1993	Dê	TT. Đăk Glei, Đăk Glei, Kon Tum	01	01	M07		7.0	6.4	7.33	23.8
15	233301433	Y TẶNG	18/09/2001	Dê	Bung Tôn, Đăk Glei, Kon Tum	01	01	M07		7.4	7.0	6.83	23.8
16	233214411	Y NHÂN	05/04/1997	Dê	Đăk Môn, Đăk Glei, Kon Tum	01	01	M07		6.9	7.2	6.83	23.57
17	233290134	Y PHƯỢNG	28/05/2000	Xơ Đăng	Đăk Trâm, Đăk Tô, Kon Tum	01	01	M07		6.8	7.8	6.50	23.45
18	231402921	NGUYỄN THỊ LỘC	04/01/2001	Kinh	TT. Đăk Hà, Đăk Hà, Kon Tum	01		M07		7.0	7.2	8.00	23.4
19	233341373	Y NHỚ	30/12/2002	Ja Rai	Ya Xiêr, Sa Thầy, Kon Tum	01	01	M07		6.5	8.0	6.50	23.38
20	233330841	NGUYỄN THỊ NGỌC THUƠNG	09/07/2000	Kinh	P. Quyết Thắng, TP. Kon Tum, Kon Tum	01		M06	7.3	7.5		7.67	23.36
21	233324454	PHẠM ĐÌNH HẠ VÂN	25/04/2001	Kinh	Sa Bình, Sa Thầy, Kon Tum	01		M07		6.7	7.2	8.00	23.18
22	233347148	Y NGOÀI	06/11/2002	Xê Đăng	Đăk Ma, Đăk Hà, Kon Tum	01	01	M07		6.5	8.3	6.17	23.11
23	233302341	Y DAO	24/07/1999	Xơ Đăng	Đăk Tờ Kan, Tu Mơ Rông, Kon Tum	01	01	M07		7.1	6.4	6.67	22.88

TT	CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	KV ƯT	ĐT ƯT	Mã tổ hợp môn	Toán	Văn	Địa	Điểm NK	Tổng điểm (thang điểm 30)
24	233290203	Y LINH	25/02/2001	Xê Đăng	Ngọc Tụ, Đăk Tô, Kon Tum	01	01	M07		7.5	6.0	6.67	22.88
25	233236753	ĐOÀN THỊ NGỌC	12/01/1998	Kinh	TT. Plei Kân, Ngọc Hồi, Kon Tum	01		M07		6.0	6.5	8.50	22.88
26	231384369	NGUYỄN THỊ HẢI DƯƠNG	05/08/2001	Kinh	Tổ 2, P. Thắng Lợi, TP. Kon Tum, Kon Tum	01		M07		6.8	6.9	7.83	22.77
27	233301120	Y BIÊU	25/10/2001	Xơ Đăng	Ngọc Linh, Đăk Glei, Kon Tum	01	01	M06	5.8	7.5		6.67	22.73
28	233312287	Y LỘ	24/07/2001	Xơ Đăng	Chư Hreng, TP. Kon Tum, Kon Tum	01	01	M07		6.2	7.4	6.50	22.7
29	233351928	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	08/04/2002	Kinh	P. Quang Trung, TP. Kon Tum, Kon Tum	01		M06	6.2	7.3		7.83	22.62
30	233360641	VI THỊ TUYẾT	19/05/2001	Thái	Ia Toi, Ia H'Drai, Kon Tum	01	01	M07		7.6	6.8	6.00	22.55

Danh sách này có 30 thí sinh./.

Ghi chú:

- Điểm Khu vực ưu tiên 01: 0.75 điểm
- Điểm đối tượng ưu tiên 01: 2 điểm.
- Tổng điểm xét tuyển = (Tổng điểm 3 môn đã nhân hệ số *3/tổng hệ số 3 môn + Điểm ưu tiên + điểm khuyến khích) làm tròn đến 2 chữ số sau dấu phẩy.